TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20.7.2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N - sinh năm 1971; nơi cư trú: 317/39 A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1969; nơi cư trú: 160 L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 3 năm 2023, Bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2023 và tại phiên toà, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn năm 1992; có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, bà và ông M chung sống tại nhà của cha mẹ ông M tại tổ 01, phường T; sau đó nhà bị giải toả và vợ chồng được cấp đất, làm nhà sống tại 179 N, phường H, quận L. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2007, trầm trọng nhất vào khoảng 04 năm nay. Nguyên nhân là do bà phát hiện ông M có con với người phụ nữ khác, nay đã được hơn 19-20 tuổi. Từ đó, bà và ông M thường xuyên cãi vã và sống ly thân. Ông M về sống với mẹ tại 160 L, phường H, quận L. Nay, bà xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông M.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông M có 03 (*Ba*) con chung là Nguyễn Tấn T - sinh ngày 05 tháng 8 năm 1993, Nguyễn Hoàng O - Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1995 và Nguyễn Tấn B - sinh ngày 20 tháng 10 năm 2006. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn B và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Các con chung Nguyễn Tấn T và Nguyễn Hoàng O đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông M có tài sản chung, nhưng không yêu cầu giải quyết, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Văn M không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông M vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giải quyết cho bà N được ly hôn với ông M. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Tấn B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung Nguyễn Tấn Tài và Nguyễn Hoàng O đã thành niên, bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Nguyễn Văn M, nhưng tại phiên tòa ông M vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp.

[*2.1*] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông M, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông M không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2007, trầm trọng nhất khoảng năm 2019. Nguyên nhân theo bà N trình bày là do bà phát hiện ông M có con riêng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà N và ông M đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Việc ông M không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông M không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N đối với ông M, xử cho bà N được ly hôn với ông M.

[*2.2*] Về quan hệ nuôi con chung*:* Bà N và ông M có 03 (*Ba*) con chung là Nguyễn Tấn T - sinh ngày 05 tháng 8 năm 1993, Nguyễn Hoàng O - Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1995 và Nguyễn Tấn B - sinh ngày 20 tháng 10 năm 2006. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn B và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét, con chung Nguyễn Tấn B có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông M không có ý kiến về con chung. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, xử giao con chung Nguyễn Tấn B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tấn B nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với các con chung Nguyễn Tấn T và Nguyễn Hoàng O đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3 Về quan hệ chia tài sản: Bà N không yêu cầu chia tài sản chung, xác định không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông M nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phó hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYÕT §ÞNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N đối với ông Nguyễn Văn M về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà N được ly hôn với ông M.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao con chung Nguyễn Tấn B - sinh ngày 20 tháng 10 năm 2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tấn B.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Các con chung Nguyễn Tấn T và Nguyễn Hoàng O đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông M.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0007825 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy